TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2025/HS-ST
Ngày: 24-09-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 09 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 07 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 07 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 08 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 09 năm 2025, đối với các bị cáo:

Lê Trường H, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1983, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nay là Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân: 077083001236, do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/09/2022; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số C Đường D, Khu phố A, phường H (phường H, thành phố T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: căn hộ A, tòa S302, khu dân cư và công viên P, Khu phố B, phường L (phường L, thành phố T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Tăng Thị Bạch L, có 03 em ruột, có vợ tên Trần Đỗ Thiên A, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không, "có mặt".

2/Trần Trọng T4, sinh ngày 01 tháng 09 năm 1974, tại tỉnh Đồng Nai; căn cước công dân: 060074000068, do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/01/2023; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A đường C, phường P (phường T, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: số A, đường L, phường P (phường P, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Trần Q và bà Trương Thị Đ, có 05 em ruột, có vợ tên Nguyễn Thụy Thanh T1, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không, "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Ngọc T2, sinh năm 1976, Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sự Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: địa chỉ: số I đường P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, "có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Thuế cơ sở 19 Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số G, Tỉnh lộ 8, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người đại diện hợp pháp của* Thuế cơ sở 19 Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Minh T3 – Chức vụ: Phó trưởng thuế cơ sở 19 Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 07 năm 2025 "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/11/2019 và ngày 09/12/2019, Lê Trường H ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Thạch Trung K, đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 372493 ngày 04/5/2017 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp), với giá trị chuyển nhượng 9.500.000.000 đồng và cho biết thời điểm H ký hợp đồng đặt cọc với K thửa đất vẫn đang được H thế chấp tại Ngân hàng A2 - Chi nhánh T5, Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 7.580.000.000 đồng. Sau khi ký hai hợp đồng đặt cọc ngày 23/11/2019 và ngày 09/12/2019 với Thạch Trung K, trong ngày 09/12/2019 K đã thanh toán cho H tổng cộng số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo thỏa thuận đến ngày 23/12/2019, K phải thanh toán hết số tiền còn lại để giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sang tên. Thời điểm này, K không đủ khả năng thanh toán hợp đồng nên H đã đồng ý thỏa thuận miệng cho K chậm thanh toán tiền và K sẽ chịu tiền lãi phát sinh, phí phạt quá hạn đối với nợ vay tại Ngân hàng A2 - Chi nhánh T5. Trong hai ngày 24/12/2019 và 30/12/2019, H đã nhờ Nguyễn Thị Thanh H1 (cán bộ tín dụng Ngân hàng A2 – Chi nhánh T5) nhận giùm tổng số tiền 700.000.000 đồng của Thạch Trung K để thanh toán tiền lãi vay do H đang đi công tác không có mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Nguyễn Thị Thanh H1 đã sử dụng 700.000.000 đồng nêu trên nộp vào Ngân hàng A2 để đóng lãi cho H.

Đến ngày 24/02/2020 theo đề nghị của K, H đã ký giấy ủy quyền để K đến Ngân hàng giải chấp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng K vẫn không thực hiện được. Đến ngày 06/03/2020, K cho H biết K đã tìm được Trần Trọng T4 sẽ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên và đề nghị H đến Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh để ký công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho T4. Tại đây, H gặp và biết được người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là Trần Trọng T4. Sau đó, H ký hủy bỏ giấy ủy quyền cho Thạch Trung K và ký công chứng Hợp đồng ủy quyền cho Nguyễn Thị H2 (nhân viên của T4) để H2 đến Ngân hàng A2 - Chi nhánh T5 thanh toán nợ vay và giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi thanh toán tiền và giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng ngày 06/03/2020, H đã ký công chứng hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất cho T4 và đã thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng, hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Ngày 13/3/2020, đã cập nhật thay đổi sang tên Trần Trọng T4.

Việc thỏa thuận giá chuyển nhượng thửa đất số 100 nêu trên giữa K và T4 thì H không biết. H chỉ biết việc chuyển nhượng thửa đất số 100 nêu trên cho K với giá 9.500.000.000 đồng và ký hợp đồng chuyển nhượng cho Trần Trọng T4 theo đề nghị của K. Mặc dù đã nhận đủ số tiền 9.500.000.000 đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên nhưng H vẫn ký Hợp đồng chuyển nhượng công chứng với số tiền 1.000.000.000 đồng nhằm giảm số tiền thuế phải nộp cho cơ quan Nhà nước.

Do Thạch Trung K bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố, điều tra về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và quá trình điều tra đã phát hiện hành vi "Trốn thuế" của Lê Trường H và Trần Trọng T4 nên đã khởi tố vụ án hình sự và chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, điều tra theo thẩm quyền vào ngày 19/6/2024.

Bản kết luận giám định số 05/KLGĐ ngày 30/9/2024 của Giám định viên tư pháp Phan Thế Á, kết luận: Với những quy định pháp luật, hành vi khai báo gian dối về giá trị chuyển nhượng thửa đất số số 100, tờ bản đồ số 33, xã T, huyện C, Thành phố hồ Chí Minh của Lê Trường H và Trần Trọng T4, người giám định kết luận như sau:

Lê Trường H có hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019: Sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng bản chất giao dịch hoặc giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp. Số tiền thuế thu nhập cá nhân trốn là: 200.000.000 đồng.

Trần Trọng T4 có hành vi gian lận, trốn nộp phí, lệ phí theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 49/2016NĐ-CP ngày 27/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn. Số tiền lệ phí trước bạ gian lận, trốn nộp là: 50.000.000 đồng (bút lục 262-264).

Về dân sự: Truy thu số tiền bị cáo Lê Trường H trốn thuế là 200.000.000 đồng, ngày 11/09/2025 bị cáo H đã nộp 10.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo H còn phải nộp 190.000.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ: Các tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo thu thập được trong quá trình điều tra vụ án gồm: Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 03332, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 06 tháng 3 năm 2019, biên bản giao nhận tiền ngày 06/03/2020 ký kết giữa bị cáo T4 và bị cáo H, giấy xác nhận ông Thạch Trung K đã nhận 150.000.000 đồng của bị cáo T4 tại ngân hàng A2, giấy xác nhận bị cáo H đã nhận số tiền 7.912.000.000 đồng và ông Thạch Trung K đã nhận số tiền còn lại của việc mua bán thửa đất số 100, tờ bản đồ số 33, tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh của bị cáo T4 đã được lưu vào hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 226/CT-VKS ngày 21 tháng 04 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Viện Kiểm sát nhân dân khu

vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Trường H và Trần Trọng T4 về tội "Trốn thuế" theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm đ khoản 1 Điều 200, Điều 38, Điều 65, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Trường H mức án từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và bị cáo Trần Trọng T4 mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Trường H nộp lại số tiền thuế thu nhập cá nhân đã trốn là 200.000.000 đồng, bị cáo đã nộp khắc phục 10.000.000 đồng nên còn phải nộp 190.000.000 đồng.

Tại phiên toà, bị cáo Lê Trường H và Trần Trọng T4 thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Lời nói sau cùng, bị cáo Lê Trường H và Trần Trọng T4 đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Trọng T4 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo T4, bị cáo có nơi ở và việc làm ổn định; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình thể hiện qua việc đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền lệ phí đã trốn; bị cáo không cố ý phạm tội mà phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật, phạm tội với vai trò giúp sức nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc và áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo T4

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Trường H và Trần Trọng T4 cùng khai nhận: Vào ngày 06/3/2020, bị cáo H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị cáo T4 thửa đất số 100, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh với giá chuyển nhượng là 11.000.000.000 đồng, các bị cáo thỏa thuận ghi trong Hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất số 03332, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/3/2020 tại Phòng C, địa chỉ: số C N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh giá chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng để giảm thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ phải nộp cho nhà nước.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của các bị cáo phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi và cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh và Kết luận giám định pháp số 05/KLGĐ ngày 30/9/2024 của Giám định viên tư pháp Phan Thế Á, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý; hành vi khai báo gian dối giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bị cáo nhằm trốn thuế với số tiền 200.000.000 đồng khi thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất số 100, tờ bản đồ số 33, tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 03332, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 06 tháng 03 năm 2020 đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Trường H và Trần Trọng T4 đã phạm tội "Trốn thuế", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 200 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo nhận thức được hành vi ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không đúng giá chuyển nhượng thực tế là vi phạm pháp luật, tuy nhiên vì lợi ích cá nhân các bị cáo cố tình thực hiện nhằm trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế và lệ phí cho Nhà nước; bị cáo H là người có tài sản chuyển nhượng, theo quy định của pháp luật bị cáo là người phải chịu thuế thu nhập cá nhân, hành vi của bị cáo thỏa thuận với bị cáo T4 ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá chuyển nhượng thấp hơn giá chuyển nhượng thực tế nhằm trốn thuế thu nhập cá nhân là 200.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo H có mức độ nguy hiểm hơn cho xã hội nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với bị cáo T4.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T4 đã nộp khắc phục đủ số tiền lệ phí là 50.000.000 đồng, bị cáo H đã nộp 10.000.000 đồng để khắc phục một phần số tiền thuế đã trốn nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho cho các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Do các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T4 đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền lệ phí đã trốn, bị cáo H đã nộp khắc phục được một phần số tiền thuế đã trốn nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là đủ để răn đe và cũng là thể hiện sự khoan hồng của nhà nước đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, các bị

cáo không đảm nhiệm chức vụ gì trong các cơ quan, đoàn thể nên theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 32 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 200 của Bộ luật hình sự.

[3] Về xử lý vật chứng: Các tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của cáo bị cáo thu thập được trong quá trình điều tra vụ án gồm: Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 03332, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 06 tháng 3 năm 2019, biên bản giao nhận tiền ngày 06/03/2020 ký kết giữa bị cáo T4 và bị cáo H, giấy xác nhận ông Thạch Trung K đã nhận 150.000.000 đồng của bị cáo T4 tại ngân hàng A2, giấy xác nhận bị cáo H đã nhận số tiền 7.912.000.000 đồng và ông Thạch Trung K đã nhận số tiền còn lại của việc mua bán thửa đất số 100, tờ bản đồ số 33, tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh của bị cáo T4 đã được lưu vào hồ sơ vụ án.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lê Trường H phải nộp lại số tiền trốn thuế là 200.000.000 đồng, bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục nộp 190.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo H tự nguyện nộp 190.000.000 đồng tiền trốn thuế còn lại; bị cáo Trần Trọng T4 phải nộp lại số tiền lệ phí trước bạ đã trốn là 50.000.000 đồng, bị cáo cáo T4 đã nộp đủ 50.000.000 đồng.

[5] Đối với khoản tiền chênh lệch 3.088.000.000 đồng ông Thạch Trung K nhận được từ việc chuyển nhượng thửa đất trên giữa bị cáo T4 và bị cáo H, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung để làm rõ khoản tiền trên, trưng cầu giám định thuế thu nhập cá nhân và người phải chịu khoản thuế thu nhập cá nhân đối với khoản tiền này; sau khi nhận lại hồ sơ, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng trong số tiền trên gồm 1.000.000.000 đồng là tiền ông K đặt cọc, 700.000.000 đồng ông K trả lãi ngân hàng cho bị cáo H, ông K được hưởng 1.388.000.000 đồng, tuy nhiên, ông K không biết việc bị cáo T4 và bị cáo H trốn thuế nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm nên không có căn cứ trưng cầu giám định thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền 1.388.000.000 đồng, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng số 226/CT-VKSCC ngày 21/04/20255 mà không tiến hành làm rõ số tiền trên theo yêu cầu của Tòa án; căn cứ giới hạn của việc xét xử quy định tại khoản 1 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử các bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Trường H và Trần Trọng T4 tội "Trốn thuế" theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, mức hình phạt mà Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là đủ sức răn đe đồng thời tạo điều kiện cho các bị cáo lao động để có thu nhập khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo gây ra.

[7] Người bào chữa cho bị cáo Trần Trọng T4 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo T4 là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 200; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Trường H phạm tội "Trốn thuế";

Xử phạt bị cáo Lê Trường H 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 200; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Trần Trọng T4 phạm tội "Trốn thuế";

Xử phạt bị cáo Trần Trọng T4 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Lê Trường H phải nộp số tiền trốn thuế là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước, bị cáo Lê Trường H đã nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004916 ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Trường H còn phải nộp 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trần Trọng T4 phải nộp lại số tiền lệ phí trước bạ đã trốn là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước, bị cáo Trần Trọng T4 đã nộp đủ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước số 0002299 ngày 17 tháng 01 năm 2025 vào tài khoản của KBNN: 79701019 - KBNN Củ Chi - Thành phố H mở tại Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh A3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo tại mục [3.3] đã được lưu vào hồ sơ vụ án.

5. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án: buộc bị cáo Lê Trường H và Trần Trọng T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: các bị cáo Lê Trường H và Trần Trọng T4 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoài